

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ: BÉ THÍCH ĐI BẰNG PTGT GÌ
Thời gian thực hiện 4 tuần từ ngày 31/03/2025 đến ngày 25/4/2025

I. KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ

STT	Mục tiêu	Nội dung	Hoạt động	Đ/c bổ sung
1.Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Hít vào, thở ra (thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu...) - Tay: + Giơ cao - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước - Chân: + Co duỗi từng chân.	- HĐ chơi - tập có chủ định Thể dục sáng - Hô hấp: Hít vào, thở ra (thổi nơ) - Tay: + Hai tay giơ lên cao, hạ xuống. + Hai tay đưa sang ngang, hạ xuống. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên. + Ngửa người ra phía sau. - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Bật tại chỗ - Tập theo nhạc bài hát: Em tập lái ô tô, Em đi qua ngã tư đường phố , Anh phi công ơi, Em đi chơi thuyền.	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: “Đi có mang vật trên tay. Chạy theo hướng thẳng. Đi theo đường ngoằn ngoèo”.	- Đi có mang vật trên tay - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Chạy theo hướng thẳng	* HĐ chơi - tập có chủ định - Đi có mang vật trên tay – ném bóng về phía trước. - Bật qua vạch kẻ - Đi theo đường ngoằn ngoèo. - Chạy theo hướng thẳng TC: Ném bóng vào	

			đích	
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi: Trườn chui qua cổng	- Trườn chui qua cổng	* HĐ chơi - tập có chủ định + Trườn chui qua cổng TC: Đuổi theo bóng	
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động: Ném bóng về phía trước. Bật qua vạch kẻ.	- Ném bóng về phía trước - Bật qua vạch kẻ	* HĐ chơi - tập có chủ định - Đi có mang vật trên tay – ném bóng về phía trước. - Bật qua vạch kẻ - Đi theo đường ngoằn ngoèo.	
6	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò, xé	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Hoạt động với đồ vật: - Xếp đường đi cho ô tô	
7	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	- Đóng cọc bàn gỗ + Hai tay làm động tác rút, khuấy + Hai tay nhào, đảo cát, đất nặn + Hai tay vò xé giấy, lá khô, túi bóng.... - Nhón, nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách	- Nặn bánh xe - Di màu máy bay - Xâu vòng xen kẽ màu đỏ, màu vàng – * Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời: Chơi với lá cây, hạt, rơm, len, bìa cát tông, nắp chai, bóng, vòng. - Chơi ở các góc + Góc thao tác vai: Bế em, nấu, khuấy bột, tập cầm thìa đũa cho em ăn, bác sĩ. + Góc HĐVĐV: Tháo vụn nắp chai, xâu vòng, thả bóng, nhón hạt, đóng cọc gỗ, tự cài, cởi cúc, xâu luồn dây giày. + Góc vận động: Chơi bowling, ném bóng, bò chui qua ống, bò chui qua cổng.	

			+ Góc NT: Di màu ô tô máy bay, thuyền buồm, nặn bánh xe, Lật đồ từng trang sách, chuyện về các loại PTGT để xem.	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. + Giờ ăn: Dạy trẻ mời cô, mời bạn, rửa tay trước khi ăn, ăn hết suất, không làm rơi vãi thức ăn. Trò chuyện về các món ăn hằng ngày, dạy trẻ biết ăn chín uống sôi, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể. Ăn xong lau mặt lau miệng, bỏ rác đúng nơi qui định. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. + Giờ ngủ: Rèn trẻ lấy và cất chăn gối gọn gàng, ngăn nắp, ngủ ngoan, không nói chuyện riêng. - Thực hành: Lấy và cất chăn gối đúng nơi qui định. Cất dọn đồ dùng, bỏ rác đúng nơi qui định.	
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn,	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. + Giờ vệ sinh: - Dạy trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn,	

	vệ sinh...)	bị ướt. + Đi dép, đi vệ sinh + Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; + Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	uống, vệ sinh. - Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định - Dạy trẻ mặc và cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt - Dạy trẻ đi dép đúng chiều, lau mặt khi bị bẩn - Thực hành: Trẻ tự uống nước, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
20	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các loại PTGT gần gũi	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	* Hoạt động chơi tập có chủ định: + NB: PTGT đường bộ(Xe đạp, xe máy). + NB: Nhận biết xe ô tô.(Ô tô con, ô tô khách) + NB: Máy bay + NB: Thuyền buồm, tàu thủy. * Hoạt động chơi: - TCM: Chim sẻ và ô tô. Tiếng kêu của cái gì. Máy bay. Một đoàn tàu nhỏ xíu. + Dạo chơi ngoài trời: Quan sát: Xe máy, xe đạp, Ô tô, Cây quân tử, cây hoa giấy, cây hoa hồng, cây lan chi. + Giờ đón và trả trẻ - Cho trẻ xem video về các loại PTGT quen thuộc.	
21	- Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi	- Màu đỏ, vàng, xanh.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định + Xâu vòng xen kẽ màu đỏ, màu vàng.	

	màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.		- Hoạt động chơi: + Góc HĐVĐV: Xâu hạt vòng màu đỏ, vàng, xanh. + Đạo chơi ngoài trời: Quan sát xe đạp , xe máy, xe ô tô, cây hoa hồng, hoa giấy.	
3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
23	- Trẻ biết thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh + Giờ ăn: Cho trẻ mời cô và các bạn ăn cơm + Giờ ngủ: Lấy gối xếp ra và đi ngủ * Hoạt động chơi: + Giờ đón, trả trẻ - Cô trò chuyện với trẻ (Cho trẻ xem video) về chủ đề: Bé thích đi bằng PTGT gì? VD: Buổi sáng ai đưa các con đi học và đi bằng PTGT gì? - Yêu cầu trẻ cất ba lô đi vào lớp, cất dép lên giá và chào cô đến lớp. - Đạo chơi ngoài trời: Quan sát : Xe máy, xe đạp, ô tô, cây hoa hồng, cây hoa giấy,... và hỏi trẻ: Xe đạp, xe máy là PTGT đường gì và dùng để làm gì?	
24	- Trẻ trả lời 1 số câu hỏi đơn giản: “ Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “... thế nào?” (Ví dụ: “Bánh xe có dạng hình gì? Còi tàu kêu như	- Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: “ Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?; “...thế nào?; “Tại sao?”...	* Hoạt động chơi: + Giờ đón và trả trẻ - Cô trò chuyện với trẻ (Cho trẻ xem video) về các loại PTGT. (VD: Xe gì đây? Bánh xe có dạng hình gì?) * Hoạt động chơi- tập có chủ định: ` Dạy trẻ kể truyện:	

	thế nào ?...).		“Truyện: Chiếc tàu thủy”	
25	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: <i>Trả lời được 1 số câu hỏi đơn giản về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.</i>	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Lắng nghe người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh	* Hoạt động chơi: - Góc NT: Xem sách, chuyện về các loại PTGT và kể chuyện theo tranh về các loại PTGT cho trẻ nghe trong giờ ôn buổi chiều.	
26	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Dạy trẻ đọc thơ: Xe đạp, bé và mẹ, ôi chiếc máy bay + Nghe các bài ca dao, đồng dao trong chủ đề: Đi cầu đi quán, Bà còng đi chợ trời mưa.	
27	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ. ngắn có câu 3-4 tiếng		
28	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	* Hoạt động chơi: + Trò chuyện với trẻ trong giờ đón, trả trẻ về các PTGT: Xe máy, xe đạp, ô tô... và hỏi trẻ các con được đi xe máy, xe đạp, ô tô chưa Con cảm thấy như thế nào? Các con có thích được đi xe máy, xe đạp, ô tô không? + Máy bay là phương tiện giao thông đường gì? Máy bay bay ở đâu? - Dạy trẻ từ tiếng việt: Chở hàng, Vĩa hè, đèn xanh, đèn đỏ, máy bay, tàu thủy. * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Dạy trẻ xin phép cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh, uống nước... biết mời cô mời các	
30	- Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.		

			bạn khi ăn cơm.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
33	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. Nói được 1 số từ tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ	- Hoạt động giao lưu cảm xúc. + Giờ đón trẻ, trả trẻ + Trò chuyện với trẻ về những PTGT mà trẻ thích và không thích. + Thực hành: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	
40	- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn	Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên	* Hoạt động chơi`</b> `Dạy trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn. `Cất đồ chơi vào nơi quy định khi tham gia dạo chơi ngoài trời, hoạt động góc. - Dạy trẻ kỹ năng đội mũ bảo hiểm, kỹ năng phòng tránh khi gặp nguy hiểm, cất đồ chơi. <b>* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh` - Dạy trẻ xếp hàng rửa tay, đi vệ sinh, không nói chuyện khi đi ngủ.	
41	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau về địa phương như: Ính lá ơi, xòe hoa..., nghe âm thanh của các nhạc cụ.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: Âm nhạc: + Dạy hát: Em tập lái ô tô + Nghe hát: Em đi qua ngã tư đường phố, Em đi chơi thuyền, Anh	

		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	phi công ơi + VĐTN: Em tập lái ô tô + Trò chơi: Nhỏ và to , Hãy lắng nghe. Tai ai tỉnh. + Biểu diễn văn nghệ + Góc NT: Chơi với các dụng cụ âm nhạc: Phách tre, xắc xô, trống, mõ... - Dạy trẻ nghe hát dân ca bài: Bà còng, lý kéo chài.	
42	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)...	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Hoạt động với đồ vật: + Xếp đường đi cho ô tô. Nặn bánh xe. Di màu máy bay. Xâu vòng xen kẽ màu đỏ, màu vàng. * Hoạt động chơi: - Góc NT: Xem tranh ảnh về các loại PTGT quen thuộc. - Di màu xe đạp, xe máy, ô tô, nặn bánh xe.	

II. CHUẨN BỊ

- Tranh ảnh, đồ dùng đồ chơi các loại phương tiện giao thông
- Tranh (hình ảnh) minh họa bài thơ: Xe đạp, bé và mẹ, ôi chiếc máy bay
- Khối nhựa, đất nặn, giấy vẽ, sáp màu
- Giấy, bóng, vòng, ô tô, dây, hạt vòng

III. MỞ CHỦ ĐỀ

- Trang trí lớp đẹp, phù hợp với chủ đề
- Cô sưu tầm tranh ảnh, sách báo thơ truyện liên quan đến chủ đề cho trẻ làm quen
- Có đồ dùng đồ chơi đẹp. Sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ

- Cô cho trẻ xem tranh và trò chuyện với trẻ:
- + Đây là PTGT gì?
- + Có đặc điểm gì?
- + Dùng để chở gì?
- + Là PTGT đường gì?
- Từ đó cô đưa trẻ vào chủ đề một cách nhẹ nhàng

P.HIỆU TRƯỞNG	TỔ TRƯỞNG	NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
<i>(Duyệt)</i>	<i>(Duyệt)</i>	

Đinh Thị Hồng

Trần Thị Nguyệt Nga

Lò Thị Thu